TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/KDTM-ST
Ngày: 31/03/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thuỳ Dương

2. Ông Nguyễn Minh Trí.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Cao Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một*** *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2024/TLST-KDTM08 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-KDTM ngày 27/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-KDTM ngày 14/03/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần B; địa chỉ trụ sở: Số E, đường C, khu phố E, phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Thu H – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Bùi Nhật Tuấn A, sinh năm 1990; địa chỉ liên hệ: Số D, đường C, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh theo Giấy ủy quyền ngày 08/10/2024.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X. Địa chỉ trụ sở: Số C, đường N, tổ G, khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Sỳ A P, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ B, khu phố T, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2024, Công ty Cổ phần B trình bày: Ngày 19/11/2021, Công ty TNHH X (Bên mua - sau đây gọi tắt là Công ty X) ký Hợp đồng mua bán bê tông trộn sẵn số 012A/21/HĐ-BTTN với Công ty Cổ phần B (Bên bán - gọi tắt là Công ty B) để thi công công trình nhà xưởng tại xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Theo đó, các bên có ký Hợp đồng mua bán bê tông trộn sẵn số: 012A/21/HĐ-BTTN ngày 15/11/2021 do Công ty Cổ phần B cung cấp bê tông M150-R28, độ sụt 10 + 2; bê tông M200-R28, độ sụt 10 + 2; bê tông M250-R28, độ sụt 10 + 2; phụ gia chống thấm B6 (chưa bao gồm chi phí kiểm định mẫu chống thấm); phụ gia đông kết nhanh 7 ngày; bơm bê tông sàn, nền, móng (<30m^3/đợt); bơm bê tông sàn, nền, móng (>=30m^3/đợt); bơm bê tông cột, vách, đà (<30m^3/đợt); bơm bê tông cột, vách, đà (>=30m^3/đợt). Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Cổ phần B đã giao cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X tổng số hàng trên có giá trị là 339.585.000 đồng.

Ngày 15/4/2024, Công ty B và Công ty X đã ký "Biên bản xác nhận công nợ" như sau: Nợ đến ngày 31/12/2023 là 339.585.000 đồng. Do không thanh toán và không phát sinh thêm nợ gốc nên đến ngày 15/4/2024 vẫn còn nợ gốc là 339.585.000 đồng. Số nợ trên chưa bao gồm lãi phát sinh quá hạn theo Hợp đồng.

Nay Công ty B yêu cầu Tòa án buộc Công ty X thanh toán như sau:

Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X phải thanh toán số tiền nợ gốc là 339.585.000 đồng (ba trăm ba mươi chín triệu năm trăm tám mươi lăm triệu đồng) theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 15/4/2024 và tiền lãi chậm trả từ ngày xác nhận công nợ là 0,03%/ ngày x 339.585.000 đồng = 32.192.658 đồng.

Tổng số tiền Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X phải thanh toán cho Công ty Cổ phần B là 371.777.658 đồng

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X trình bày: Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện đăng báo hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm theo Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa

sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi là 20.884.477 đồng, theo theo Hợp đồng mua bán số 012A/21/HĐ-BTTN ngày 15/11/2021; biên bản xác nhận công nợ ngày 15/4/2024. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" quy định tại Điều 24 Luật thương mại.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết:

Công ty Cổ phần B được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3900970912, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3702544158 và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, đây là tranh chấp kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, được quy định tại Khoản 1, Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng mua bán bê tông trộn sẵn số: 012A/21/HĐ-BTTN ngày 15/11/2021 do Công ty Cổ phần B và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận mua bán hàng hóa không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định tại Điều 24 Luật thương mại. Do đó, hợp đồng có giá trị thi hành đối với các bên.

Theo đó, các bên có ký Hợp đồng mua bán bê tông trộn sẵn số: 012A/21/HĐ-BTTN ngày 15/11/2021 do Công ty Cổ phần B cung cấp bê tông M150-R28, độ sụt 10 + 2; bê tông M200-R28, độ sụt 10 + 2; bê tông M250-R28, độ sụt 10 + 2; phụ gia chống thấm B6 (chưa bao gồm chi phí kiểm định mẫu chống thấm); phụ gia đông kết nhanh 7 ngày; bơm bê tông sàn, nền, móng (<30m^3/đợt); bơm bê tông sàn, nền, móng (>=30m^3/đợt); bơm bê tông cột, vách, đà (<30m^3/đợt); bơm bê tông cột, vách, đà (>=30m^3/đợt). Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Cổ phần B đã giao cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X tổng số hàng trên có giá trị là 339.585.000 đồng.

Nay, Công ty Cổ phần B căn cứ vào 01 hợp đồng mua bán và biên bản xác nhận công nợ, yêu cầu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X phải trả ngay số tiền còn nợ (nợ gốc) là 339.585.000 đồng. Xét thấy, do bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn Công ty Cổ phần B yêu cầu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X thanh toán số tiền nợ gốc 339.585.000 đồng.

Bị đơn được Tòa án ban hành và đăng B1 Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hòa giải, Quyết

định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm được xem như từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa số tiền gốc 339.585.000 đồng

Tiền lãi chậm thanh toán: Các bên thoả thuận trong hợp đồng mua bán nếu có phát sinh nợ quá hạn thì bên mua phải thanh toán thêm bên bán lãi là 0.03% ngày. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán tạm với mức lãi suất là 10%/năm là 0.03% ngày là phù hợp với thoả thuận. Công ty Cổ phần B yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày đối chiếu công nợ từ ngày 15/4/2024 đến khi xét xử sơ thẩm 31/3/2025 là 32.192.658 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần B đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng là 371.777.658 đồng, trong đó tiền gốc là 339.585.000 đồng, tiền lãi là 32.192.658 đồng

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải nộp đối với phần được chấp nhận của nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 254, 266, 267 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần B đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X phải thanh toán cho Công ty Cổ phần B, tổng cộng là 371.777.658 đồng, trong đó tiền gốc là 339.585.000 đồng, tiền lãi là 32.192.658 đồng

Kể từ ngày tuyên án 01/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%năm.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn X phải chịu là 18.588.882 đồng

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho Công ty Cổ phần B số tiền 9.345.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền ký hiệu BLTU/24 số 0003286 ngày 22/10/2024, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thắm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**